

Số: 1191/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt dự án Xây dựng Trường Trung học phổ thông**  
**Chuyên Tuyên Quang tại địa điểm mới**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trường Trung học phổ thông Chuyên Tuyên Quang tại địa điểm mới;*

*Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 26/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trường Trung học phổ thông Chuyên Tuyên Quang tại địa điểm mới;*

*Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Trường Trung học phổ thông Chuyên Tuyên Quang tại địa điểm mới;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1641/TTr-SXD ngày 22/8/2022 về việc đề nghị phê duyệt dự án Xây dựng Trường Trung học phổ thông Chuyên Tuyên Quang tại địa điểm mới.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Xây dựng Trường Trung học phổ thông Chuyên Tuyên Quang tại địa điểm mới, nội dung cụ thể như sau:

**1. Tên dự án:** Xây dựng Trường Trung học phổ thông Chuyên Tuyên Quang tại địa điểm mới.

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang.

**3. Chủ đầu tư:** Sở Giáo dục và Đào tạo.

**4. Mục tiêu đầu tư:** Đảm bảo cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng nhu cầu giáo dục và đào tạo của mô hình trường chuyên có cả cấp THCS và THPT, với quy mô 38 lớp (8 lớp THCS và 30 lớp THPT), 1.330 học sinh (trong đó có khoảng 400 học sinh ở nội trú), để Trường THPT Chuyên trở thành điểm nhấn về giáo dục của tỉnh, được quy hoạch đồng bộ, có kiến trúc đáp ứng xu hướng mới với không gian mở, tiện ích, tạo không gian đào tạo hiện đại, góp phần bảo đảm điều kiện về môi trường làm việc, nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh, phục vụ việc bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi quốc gia, quốc tế, bồi dưỡng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Tuyên Quang, của Đất nước.

**5. Quy mô đầu tư xây dựng:**

**5.1. Khối nhà chính.**

**a. Khối hành chính quản trị, hiệu bộ, hội trường 500 chỗ (ký hiệu A1):**

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: Nhà được thiết kế 03 tầng và 01 tầng trệt, diện tích xây dựng khoảng  $S_{xd}=1.232m^2$ , tổng diện tích sàn khoảng  $S_s=3.668m^2$ ; cốt tầng hầm (-3,0)m, cốt sàn tầng 1: (+0,00)m, cốt sàn tầng 2: (+3,9)m, cốt sàn tầng 3: (+7,5)m, cốt sàn mái: (+11,1)m, cốt đỉnh mái: (+14,7)m. Công trình gồm các phòng chức năng thuộc khối hành chính quản trị, hiệu bộ, hội trường khoảng 500 chỗ, khu vệ sinh, phòng kỹ thuật; tầng hầm được bố trí làm khu để xe cho cán bộ, giáo viên; 02 cầu thang bộ và 01 khu thang máy.

- Giải pháp kết cấu và vật liệu chính sử dụng:

Sử dụng phương án móng cọc BTCT mác 300, tiết diện cọc 300x300mm; đài móng, dầm móng, khung cột, dầm, sàn đổ BTCT mác 300 (bê tông móng, dầm, sàn sử dụng bê tông thương phẩm); tường xây gạch không nung mác 75, xây trát VXM mác 75, toàn nhà bảo ma tít, lu sơn 3 nước. Sàn nhà lát gạch Ceramic 500x500mm, sàn khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trơn 300x300mm, tường ốp gạch men; sàn phòng hội trường sơn Epoxy chuyên dụng. Trần phòng hội trường sử dụng trần thạch cao khung xương chìm, trần các phòng vệ sinh sử dụng trần thạch cao chịu nước tấm thả khung xương nổi; bậc

cầu thang lát đá granit tự nhiên; lan can cầu thang bằng các thanh thép; hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa khung nhôm hệ. Kết cấu mái bằng hệ dàn thép, lợp tôn xộp.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp, thoát nước sinh hoạt, thoát nước mái cho công trình.

#### **b. Khối học:**

Gồm khối học dành cho trung học cơ sở và khối học dành cho trung học phổ thông. Cụ thể:

##### **\* Khối học dành cho trung học cơ sở (ký hiệu A2):**

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: Nhà được thiết kế 03 tầng và 01 tầng trệt, diện tích xây dựng khoảng  $S_{xd}=1.345m^2$ , tổng diện tích sàn khoảng  $S_s=5.511m^2$ ; cốt nền tầng hầm (-3,0)m, cốt sàn tầng 1: (+0,00)m, cốt sàn tầng 2: (+3,9)m, cốt sàn tầng 3: (+7,5)m, cốt sàn mái: (+11,1)m, cốt đỉnh mái: (+14,1)m. Công trình có 02 cầu thang bộ, tầng hầm được bố trí làm khu để xe cho học sinh, mỗi tầng có khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Giải pháp kết cấu và vật liệu chính sử dụng: Sử dụng phương án móng cọc BTCT mác 300, tiết diện cọc 300x300mm; đài móng, dầm móng, khung cột, dầm, sàn đổ BTCT mác 300 (*bê tông móng, dầm, sàn sử dụng bê tông thương phẩm*); tường xây gạch không nung mác 75, xây trát VXM mác 75, toàn nhà bả matit, lu sơn 3 nước. Sàn nhà lát gạch Ceramic 500x500mm, sàn khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trơn 300x300mm, tường ốp gạch men; bậc cầu thang lát đá granit tự nhiên; lan can cầu thang bằng các thanh thép; hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa khung nhôm hệ.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp, thoát nước sinh hoạt, thoát nước mái cho công trình.

##### **\* Khối học dành cho trung học phổ thông (ký hiệu A3):**

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: Nhà được thiết kế 04 tầng, diện tích xây dựng khoảng  $S_{xd}=1.345m^2$ , tổng diện tích sàn khoảng  $S_s=6.728m^2$ ; cốt sân xung quanh (-3,2)m, cốt sàn tầng 1: (+0,00)m, cốt sàn tầng 2: (+3,9)m, cốt sàn tầng 3: (+7,5)m, cốt sàn tầng 4: (+11,1)m, cốt sàn mái: (+14,7)m, cốt đỉnh mái: (+17,7)m. Công trình có 02 cầu thang bộ, mỗi tầng có khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Giải pháp kết cấu và vật liệu chính sử dụng: Sử dụng phương án móng cọc BTCT mác 300, tiết diện cọc 300x300mm; đài móng, dầm móng, khung cột, dầm, sàn đổ BTCT mác 300 (*bê tông móng, dầm, sàn sử dụng bê tông thương phẩm*); tường xây gạch không nung mác 75, xây trát VXM mác 75, toàn nhà bả matit, lu sơn 3 nước. Sàn nhà lát gạch Ceramic 500x500mm, sàn khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trơn 300x300mm, tường ốp gạch men; bậc cầu thang lát đá granit tự nhiên; lan can cầu thang bằng các thanh thép; hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa khung nhôm hệ.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện, chống sét, phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp, thoát nước sinh hoạt, thoát nước mái cho công trình.

**\* Khối phục vụ học tập và hội trường (ký hiệu A4):**

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: Nhà được thiết kế 04 tầng, diện tích xây dựng khoảng  $S_{xd}=725m^2$ , tổng diện tích sàn khoảng  $S_s=3.623m^2$ ; cốt sân xung quanh (-3,2)m, cốt sàn tầng 1: (+0,00)m, cốt sàn tầng 2: (+3,9)m, cốt sàn tầng 3: (+7,5)m, cốt sàn tầng 4: (+11,1)m, cốt sàn mái: (+14,7)m, cốt đỉnh mái: (+17,7)m. Công trình có 02 cầu thang bộ, mỗi tầng có khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Giải pháp kết cấu và vật liệu chính sử dụng: Sử dụng phương án móng cọc BTCT mức 300, tiết diện cọc 300x300mm; đài móng, dầm móng, khung cột, dầm, sàn đổ BTCT mức 300 (*bê tông móng, dầm, sàn sử dụng bê tông thương phẩm*); tường xây gạch không nung mức 75, xây trát VXM mức 75, toàn nhà bả ma tít, lu sơn 3 nước. Sàn nhà lát gạch Ceramic 500x500mm, sàn khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trơn 300x300mm, tường ốp gạch men; bậc cầu thang lát đá granit tự nhiên; lan can cầu thang bằng các thanh thép; hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa khung nhôm hệ.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện, chống sét, phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp, thoát nước sinh hoạt, thoát nước mái cho công trình.

**5.2. Khối đa năng (ký hiệu B):**

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: Nhà được thiết kế 03 tầng, diện tích xây dựng khoảng  $S_{xd}=1.522m^2$ , tổng diện tích sàn khoảng  $S_s=3.066m^2$ ; cốt sân xung quanh (-1,5)m, cốt nền nhà: (+0,00)m, cốt sàn tầng 2: (+5,2)m, cốt sàn tầng mái: (+12,7)m, cốt đỉnh mái: (+14,7)m. Tầng 1 bố trí khu bể bơi, tầng 2 bố trí khu thể thao đa năng, công trình có 02 cầu thang bộ, mỗi tầng có khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Giải pháp kết cấu và vật liệu chính sử dụng: Sử dụng phương án móng cọc BTCT mức 300, tiết diện cọc 300x300mm; đài móng, dầm móng, khung cột, dầm, sàn đổ BTCT mức 300 (*bê tông móng, dầm, sàn sử dụng bê tông thương phẩm*); tường xây gạch không nung mức 75, xây trát VXM mức 75, toàn nhà bả ma tít, lu sơn 3 nước. Thành, đáy bể bơi lát gạch Ceramic men bóng, nền nhà xung quanh bể lát gạch Ceramic bề mặt nhám; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trơn 300x300mm, tường ốp gạch men; bậc tam cấp, sàn khu thể thao đa năng sơn Epoxy chuyên dụng. Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa khung nhôm hệ. Kết cấu mái bằng hệ dàn thép, lợp tôn xộp.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp, thoát nước sinh hoạt, thoát nước mái cho công trình.

**5.3. Khối nội trú và công vụ (ký hiệu C):**

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: Nhà được thiết kế 04 tầng, diện tích xây dựng khoảng  $S_{xd}=1.424m^2$ , tổng diện tích sàn khoảng  $S_s=6.007m^2$ ; cốt sân xung quanh (-0,75)m, cốt nền nhà: (+0,00)m, cốt sàn tầng 2: (+3,9)m, cốt sàn tầng 3: (+7,2)m, cốt sàn tầng 4: (+10,5)m, cốt sàn mái: (+13,0)m, cốt đỉnh mái: (+16,8)m. Tầng 1 bố trí khu sảnh chính, phòng cộng đồng, các phòng quản lý, khu bếp nấu, nhà ăn, phòng kỹ thuật, phụ trợ; tầng 2, 3, 4 bố trí các phòng nội trú có khu vệ sinh khép kín, phòng kỹ thuật, khu sảnh. Công trình có 03 cầu thang bộ.

- Giải pháp kết cấu và vật liệu chính sử dụng: Sử dụng phương án móng cọc BTCT mức 300, tiết diện cọc 300x300mm; đài móng, dầm móng, khung cột, dầm, sàn đổ BTCT mức 300 (*bê tông móng, dầm, sàn sử dụng bê tông thương phẩm*); tường xây gạch không nung mức 75, xây trát VXM mức 75, toàn nhà bả ma tít, lu sơn 3 nước. Nền, sàn nhà lát gạch Ceramic 500x500mm, nền, sàn khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trơn 300x300mm, tường ốp gạch men; bậc tam cấp, bậc cầu thang lát đá granit tự nhiên; lan can cầu thang bằng các thanh thép; hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa khung nhôm hệ.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện, chống sét, phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp, thoát nước sinh hoạt, thoát nước mái cho công trình.

**5.4. Nhà cầu:** Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng  $S_{xd}=1.296m^2$ , là hành lang đi lại có mái kết nối 2 cụm công trình, đồng thời là hệ thống bậc ngòi khán giả cho 2 khu vực sân tập trung và sân vận động. Kết cấu móng đơn BTCT, cột, dầm giằng, sàn mái đổ BTCT mức 200. Nền lát gạch Terrazzo KT 400x400mm, bậc tam cấp sơn Epoxy chuyên dụng.

#### **5.5. Các hạng mục phụ trợ:**

**a) San nền:** Thiết kế san nền theo lưới ô vuông 10x10m. Khối lượng đắp đất cấp III đạt độ chặt  $K \geq 0,9$ .

#### **b) Đường giao thông nội bộ:**

- Bình đồ, hướng tuyến, quy mô mặt cắt ngang: Xây dựng các trục đường giao thông nội bộ theo quy hoạch, các trục đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường phố nội bộ (TCXDVN 104:2007), có quy mô mặt cắt ngang như sau:

+ Mặt cắt 1-1 (tuyến 1): Chỉ giới đường đỏ rộng 9,0m, trong đó: Mặt đường xe chạy rộng 5,4m; rãnh tam giác hai bên rộng 2x0,3m; tô toa, hè đường hai bên rộng 2x1,5m.

+ Mặt cắt 2-2 (tuyến 2): Chỉ giới đường đỏ rộng 8,0m, trong đó: Mặt đường xe chạy rộng 4,40m; rãnh tam giác hai bên rộng 2x0,3m; tô toa, hè đường hai bên rộng 2x1,5m.

+ Mặt cắt 3-3 (tuyến 3,4): Chỉ giới đường đỏ rộng 20,0m, trong đó: Mặt đường xe chạy rộng 15,4m; rãnh tam giác hai bên rộng 2x0,3m; tô toa, hè đường hai bên rộng 2x2,0m.

- Kết cấu nền, mặt đường bao gồm các lớp vật liệu từ trên xuống như sau:

+ Bê tông nhựa chặt C12,5 dày 7cm;

+ Nhựa dính bám 1,0kg/m<sup>2</sup>;

+ Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm;

+ Cấp phối đá dăm loại II dày 18cm;

+ Nền đường lu lèn đảm bảo độ chặt  $K \geq 95$ , lớp đất tiếp giáp với đáy kết cấu áo đường dày 30cm xáo xới lu lèn đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,98$ .

- Hè đường: Hè đường lát gạch terrazzo. Kết cấu từ trên xuống: Gạch

terrazzo dày 3,0cm; vữa xi măng mác 100 dày 2cm; bê tông xi măng mác 150 dày 8cm; nền đất đầm chặt  $K \geq 0,95$ .

- Tô toa, rãnh tam giác: Tô toa dạng vát cạnh bằng bê tông xi măng mác 300 có KT 26x23cm; rãnh tam giác bằng bê tông xi măng KT 30x50cm dày 6cm; bê tông lót tô toa, rãnh tam giác mác 100 dày 2cm.

**c) Cổng, hàng rào:** Gồm 1 cổng chính và 4 cổng phụ, cánh dạng cổng đẩy. Tường rào thoáng có tổng chiều dài khoảng  $L = 825m$ , chân tường xây gạch cao 0,6m, phía trên là các thanh sắt.

**d) Các hạng mục:** Cấp điện, chiếu sáng ngoài nhà; cấp thoát nước ngoài nhà; công nghệ thông tin, liên lạc; phòng cháy chữa cháy; trạm biến áp, trạm xử lý nước thải, sân vườn, cây xanh, nhà bảo vệ, sân nội bộ, bãi để xe... được thiết kế đồng bộ theo quy hoạch xây dựng được duyệt.

**5.6.** Mua sắm các trang thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi:**

- Nhà thầu khảo sát địa chất: Công ty TNHH tư vấn xây dựng An Phú Hưng.
- Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty TNHH tư vấn xây dựng Tân Minh và Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Đông Phương.

**7. Địa điểm xây dựng:** Phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang.

**8. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:**

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, nhóm B;
- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
- Thời hạn sử dụng của công trình: từ 20 năm đến dưới 50 năm.

## **9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:**

- Số bước thiết kế: thiết kế 02 bước.
- TCVN 8794:2011 - Trường trung học. Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 4319:2012 - Nhà và công trình công cộng. Nguyên tắc cơ bản thiết kế.
- TCVN 2737 : 1995 - Tải trọng và tác động. Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 10304:2014 - Móng cọc. Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9362 : 2012 - Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9379 : 2012 - Kết cấu XD và nền. Nguyên tắc cơ bản về tính toán.
- TCVN 5574:2018 - Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.
- TCVN 5575 : 2012 - Kết cấu thép. Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5573: 2011 - Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCXD 9206:2012 - Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng.

- TCXD 9207:2012 - Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng.
- TCXD 16 : 1986 - Chiều sáng nhân tạo trong công trình dân dụng.
- TCVN 9385 : 2012 - Chống sét cho công trình xây dựng. Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.
- TCVN 2622 : 1995 - Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình. Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 4513: 1988 - Cấp nước bên trong. Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 4474:1987 - Thoát nước bên trong công trình. Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCN 51:1984 - Thoát nước. Mạng lưới bên ngoài công trình. Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCXDVN 33: 2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế.
- Các tiêu chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan.

**10. Tổng mức đầu tư xây dựng:** 255.810.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi lăm tỷ, tám trăm mười triệu đồng*).

Trong đó:

|                        |                 |      |
|------------------------|-----------------|------|
| - Chi phí GPMB         | 24.398.204.000  | đồng |
| - Chi phí xây dựng:    | 196.121.461.000 | đồng |
| - Chi phí thiết bị:    | 8.719.992.000   | đồng |
| - Chi phí QLDA:        | 3.545.717.000   | đồng |
| - Chi phí tư vấn ĐTXD: | 10.865.734.000  | đồng |
| - Chi phí khác:        | 2.069.481.000   | đồng |
| - Chi phí dự phòng:    | 10.089.411.000  | đồng |

**11. Tiến độ thực hiện dự án:** Năm 2020-2024.

**12. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương.

**13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:** Chủ đầu tư ký hợp đồng ủy thác với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp để thực hiện quản lý dự án (*Theo Văn bản số 3845/UBND-ĐTXD ngày 05/12/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang*).

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1.** Chủ đầu tư xây dựng công trình và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**2.** Các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra và hướng dẫn Chủ đầu tư xây dựng công trình thực hiện nội dung tại Quyết định này đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch UBND thành phố Tuyên Quang; Chủ đầu tư xây dựng công trình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3; (thi hành)
- Các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTXD. (H)

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**